

Bản án số: 131/2020/DS-PT

Ngày: 01 – 10 – 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 9 và ngày 01 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 147/2020/QĐ-PT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Khắc M, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 213B/5, khóm N, phường B, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ H, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 46E12, Khu dân cư TN, phường B, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2019). (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Lâm Bích T, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 138, đường Quốc lộ M, ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020). (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Đỗ Khắc M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2019 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đỗ Khắc M, bà Đỗ Thị Mỹ H trình bày:

Năm 2014, ông M có cho bà Lâm Bích T vay tổng số tiền là 113.000.000 đồng, chia làm 04 lần là 50.000.000 đồng, 30.000.000 đồng, 10.000.000 đồng vay ngày 06/7/2014 ân và 23.000.000 đồng vay ngày 12/12/2014 ân. Các khoản vay 50.000.000 đồng, 30.000.000 đồng đã được bà T trả xong, giấy vay nợ giao cho bà T nên không nhớ thời gian vay. Hai khoản vay còn lại là 33.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, bà T đóng lãi đầy đủ đến tháng 9/2015 thì xin miễn lãi do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chỉ góp vốn hàng tháng 2.000.000 đồng và được ông M đồng ý nhưng sau đó bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tháng 10/2016, ông M gặp và yêu cầu bà T trả tiền vay thì được trả 5.000.000 đồng, số tiền này được ghi lên giấy nhận nợ ngày 12/12/2014 ân, bà T còn nợ ông M tổng cộng là 28.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

Ông M yêu cầu bà Lâm Bích T có nghĩa vụ trả số tiền vốn 28.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử (44 tháng), mức lãi suất là 9%/năm thành tiền là 9.240.000 đồng.

- Theo trình bày của bị đơn bà Lâm Bích T trong quá trình giải quyết và người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Ngọc N trình bày tại phiên tòa:

Trước đây bà T có vay tiền của ông M nhiều lần, sau đó đã trả xong số tiền vay và lãi là 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 13/6/2014, việc bà T cung cấp biên nhận 100.000.000 đồng là chứng minh có vay thì có trả. Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông M cho rằng bà T còn nợ 02 khoản vay ngày 06/7/2014 và ngày 12/12/2014 là 28.000.000 đồng, bà T đã trả xong cả vốn và lãi là 30.000.000 đồng, ông M có ghi biên nhận đã nhận đủ số tiền nhưng khi kiểm tra không lưu ý việc ông M lập biên nhận không có ngày tháng năm. Bà T không đồng ý yêu cầu của ông M do đã trả xong tiền vay, về tiền lãi đề nghị áp dụng tính thời hiệu khởi kiện để không xem xét.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 01/7/2020 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 471; Điều 473; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Khắc M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Lâm Bích T đối với tiền vốn vay 28.000.000 đồng và lãi 9.240.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/7/2020, nguyên đơn ông Đỗ Khắc M có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thanh

Trị, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị và áp dụng Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc bà Lâm Bích T trả cho ông số tiền là 28.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông M không rút đơn khởi kiện, nhưng rút một phần đơn kháng cáo đối với yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, không bổ sung đơn kháng cáo và cho rằng trước đây ông M có cho bà T vay 04 lần với tổng số tiền là 113.000.000 đồng (Kể cả số tiền vay 10.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 06/7/2014 và số tiền vay 23.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 12/12/2014), bà T không còn vay số tiền nào khác từ ông M, trên 02 biên nhận không có ghi lãi suất nhưng các bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/tháng; bà T đã trả số tiền 100.000.000 đồng và 30.000.000 đồng (Hai số tiền này không liên quan đến vụ án), trả 30.000.000 đồng vào cuối năm 2015 khi đó cùng cắt khớp trả lãi đối với số tiền còn thiếu là 28.000.000 đồng, chồng bà T bắt ông M viết biên nhận cam kết không cho bà T mượn tiền nữa; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông M và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn ông Đỗ Khắc M vắng mặt, nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Phạm Ngọc N vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông M là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông M rút một phần đơn kháng cáo đối với yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị. Xét thấy, việc rút một phần đơn kháng cáo vừa nêu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của ông M về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng

xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 buộc bà Lâm Bích T trả cho ông số tiền là 28.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của ông M cho rằng trước đây ông M có cho bà T vay 04 lần với tổng số tiền là 113.000.000 đồng (Kể cả số tiền vay 10.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 06/7/2014 và số tiền vay 23.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 12/12/2014), bà T không còn vay số tiền nào khác từ ông M; bà T đã trả số tiền 100.000.000 đồng và 30.000.000 đồng (Hai số tiền này không liên quan đến vụ án), trả 30.000.000 đồng vào cuối năm 2015 khi đó cùng cắt khớp trả lãi đối với số tiền còn thiếu là 28.000.000 đồng, chồng bà T bắt ông M viết biên nhận cam kết không cho bà T mượn tiền nữa. Tuy người đại diện hợp pháp của ông M cho rằng số tiền bà T trả cho ông M 02 lần là 130.000.000 đồng không liên quan đến vụ án, nhưng có căn cứ xác định lần kết sổ tính lãi và trả số tiền 30.000.000 đồng là cùng thời điểm cuối năm 2015, mặc dù không ghi ngày tháng năm nhưng được người đại diện hợp pháp của ông M xác định là trả sau số tiền vay 33.000.000 đồng và sau đó, đã trả được 5.000.000 đồng, nên số tiền còn lại 28.000.000 đồng đã được tính lãi và trả vào cuối năm 2015 với số tiền 30.000.000 đồng (Bao gồm tiền vốn và tiền lãi) là phù hợp. Mặt khác, trên Biên nhận bà T trả cho ông M số tiền 30.000.000 đồng do ông M trực tiếp ghi và thể hiện “*Tôi cam kết từ nay về sau sẽ không cho chị Thanh mượn nữa*”, điều đó thể hiện bà T đã trả dứt nợ cho ông M nên ông M cam kết với chồng bà T là sẽ không cho bà T mượn tiền nữa, không có nội dung nào thể hiện bà T còn thiếu tiền ông M. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của ông M khẳng định ông M chỉ cho bà T vay số tiền 113.000.000 đồng (Kể cả số tiền vay 10.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 06/7/2014 và số tiền vay 23.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 12/12/2014), bà T không còn vay số tiền nào khác từ ông M; nhưng ông M đã nhận từ bà T 02 lần với tổng số tiền là 130.000.000 đồng là đã nhiều hơn số tiền vay rất nhiều. Do đó, số tiền vay 10.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 06/7/2014 và số tiền vay 23.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 12/12/2014 đã được bà T trả nợ xong, nên 02 biên nhận này không còn giá trị làm chứng cứ chứng minh trong vụ án. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định tại mục [4] nêu trên, xét thấy toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông M là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông M và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Khắc M.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2020/DS-ST ngày 01/7/2020, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

- *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Khắc M về việc yêu cầu buộc bị đơn bà Lâm Bích T trả số tiền vốn vay là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) và tiền lãi là 9.240.000 đồng (Chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).*

- *Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Đỗ Khắc M phải chịu 1.862.000 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 886.000 đồng (Tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009852, ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Đỗ Khắc M còn phải nộp thêm 976.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.*

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Khắc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003246, ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Đỗ Khắc M đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THA tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn